TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2021/HS- ST
Ngày: 06/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nghệ.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Hữu Thỏa và bà Lê Thị Thanh Thủy
Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 138/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Đình C; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 27/8/2000; Nơi cư trú: Xóm A, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Đình H; Sinh năm: 1974 và con bà: Hồ Thị T, sinh năm 1976; Vợ, con: Chưa có. Anh, chị, em ruột: có 02 người, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, Tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2021 đến ngày 26/6/2021, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cứ trú từ ngày 26/6/2021 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:
- Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1980. Có mặt.
Nơi cư trú: Thôn T, xã S, Huyện Q, tỉnh Nghệ An.
- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2002. Có mặt.
Nơi cư trú: Thôn T, xã S, Huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
- Chị Trần Thị N, sinh năm 1991. Vắng mặt.
Nơi cư trú: Xóm A, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
- Anh Đào Văn N, sinh năm 1980. Vắng mặt.
Nơi cư trú: Xóm T, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 15/6/2021, Lê Đình C đến nhà chị Nguyễn Thị S để gặp con gái chị S là chị Nguyễn Thị T. Khi đến nơi thì C chỉ thấy có em của T là Nguyễn Thị H, sinh năm 2012 ở nhà. Thấy vậy, C đi vào nhà chơi một lúc rồi mượn H chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS BKS 37L1-422.75 của gia đình chị S để đi mua thẻ cào điện thoại. Sau khi mua thẻ cào điện thoại về, C nạp thẻ vào điện thoại để chơi game. Sau đó C lại mượn H chiếc xe mô tô nói trên một lúc để đi về và hẹn đến tối sẽ sang trả. Sau khi mượn được chiếc xe trên, C đã điều khiển đến quán điện thoại của anh Đào Văn N, để cầm cố chiếc điện thoại nhãn hiệu IPHONE 7PLUS màu đen mà C đã mượn vào ngày 11/6/2021 của chị T, mà không hề trao đổi, không được sự đồng ý của chị T. C đã cầm cố điện thoại để lấy số tiền 3.000.000 đồng rồi đến quán dịch vụ chuyển tiền nhanh H T thuộc xóm Đ, xã C để nạp tiền vào tài khoản chơi game của C. Sau đó C đến nhà bạn là Đào Văn H, trú tại xóm T C, xã C để tiếp tục chơi game bằng máy tính của gia đình H. Sau khi chơi được một lúc thì C thua hết số tiền đã nạp trước đó nên đã nảy sinh ý định mang chiếc xe mô tô BKS 37L1-422.75 mà C mượn của gia đình chị S mang đi cầm cố lấy tiền nạp vào tải khoản để tiếp tục chơi game. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, C đến gặp chị Trần Thị N, trú tại xã C để cầm cố chiếc mô tô nói trên với số tiền 3.000.000 đồng. Sau khi có tiền, C lại tiếp tục nạp tiền vào tài khoản rồi quay lại nhà H để mượn máy tính tiếp tục chơi game. Chơi được khoảng 30 phút C lại thua hết số tiền đã nạp, để có tiền chơi game tiếp C đã nhắn tin nói dối với chị T đưa giấy tờ xe ra xã C để lấy xe về vì C bị Cảnh sát giao thông giữ xe do không có giấy tờ. Chị T nghe vậy nên đã mang giấy đăng ký xe đến cho C. Sau khi lấy được giấy đăng ký C đã đến gặp và đưa cho chị N để vay thêm 2.500.000 đồng. Khi được chị N đưa số tiền 2.500.000 đồng C đưa cho chị T số tiền 500.000 đồng để trả tiền nước và nói với T hôm sau sẽ mang xe và điện thoại đến trả. Tuy nhiên do không có tiền để chuộc lại chiếc điện thoại và chiếc xe mô tô nên C đã không trả lại cho chị T như đã hẹn. Đến tối ngày 16/6/2021, sau khi đã liên lạc với C nhiều lần nhưng gia đình chị T không thấy anh C mang xe và điện thoại đến trả như đã hẹn nên đã trình báo sự việc lên Công an xã T, huyện Q. Đến ngày 17/6/2021, nhận thức được hành vi phạm tội của mình đã bị phát giác nên Lê Đình C đã đến Công an xã T để đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 201/KLĐGTS ngày 22/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự của UBND huyện Q kết luận:

- 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đỏ đen, số khung C6H0EY106041, số máy 5C6H106046, Biển kiểm soát 37L1-422.75, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 6.100.000đ (Sáu triệu một trăm nghìn đồng).

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS, màu đen, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 3.200.000đ (Ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Như vậy tổng giá trị tài sản mà Lê Đình C đã chiếm đoạt là: 9.300.000đ.

Cáo trạng số 151/CT-VKS-HS, ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu đã truy tố bị cáo Lê Đình C về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên toàn bộ nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Lê Đình C phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 175; điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Đình C từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Không khấu trừ thu nhập, không phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vật chứng vụ án: Đã trả lại cho người bị hại nên miễn xét.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội; Buộc bị cáo Lê Đình C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Đình C khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Lời nói sau cùng bị cáo Lê Đình C xin hội đồng xét xử cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để trở thành một công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đó thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp lời khai có tại hồ sơ; phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Lê Đình C đã lợi dụng mối quan hệ thân quen, niềm tin của người bị hại để mượn chiếc điện thoại IPhone 7 Plus của chị Nguyễn Thị T và chiếc xe mô tô BKS 37L1-422.75 của chị Nguyễn Thị S, sau đó đi cầm cố và vay tiền. Tổng giá trị tài sản mà Lê Đình C chiếm đoạt là 9.300.000đ. Do đó, đủ cơ sở kết luận Lê Đình C phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm b, khoản 1 điều 175 Bộ luật hình sự như Cáo trạng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội gây hoang mang, lo lắng trong cuộc sống bình thường của nhân dân. Bởi vậy, căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội và giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt cần thiết phải xử phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện. Tuy nhiên, Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đầu thú, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là những tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo nhất thời phạm tội và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo đ□ợc cải tạo tại địa ph□ơng như Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ niềm tin để bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Thời gian tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo có 09 ngày tạm giữ (từ ngày 17/6/2021 đến 26/6/2021) bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ.

[4]Về hình phạt bổ sung: Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế. Xét thấy không cần thiết phải khấu trừ thu nhập, không phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[5] Vật chứng vụ án:

- 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đỏ đen, số khung C6H0EY106041, số máy 5C6H106046, Biển kiểm soát 37L1-422.75, đã trả lại cho chủ tài sản là chị Nguyễn Thị S nên miễn xét.

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS, màu đen, máy đã qua sử dụng, đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị T nên miễn xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

[7] Chị Trần Thị N là người cho bị cáo vay tiền để lại xe máy để làm tin, anh Đào Văn N nhận cầm cố chiếc điện thoại. Chị N, anh N không biết tài sản đó do phạm tội mà có nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 175; điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Đình C 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Nhưng được trừ 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành 11(mười một) tháng 3 (ba) ngày.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo Lê Đình C được tính từ ngày Cơ quan tổ chức được giao giám sát bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Đình C cho UBND xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp xã trong việc giám sát, giáo dục.

Về trách nhiệm dân sự: Không ai yêu cầu gì nên miễn xét.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội; Buộc bị cáo Lê Đình C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nghệ

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND h.Quỳnh Lưu;
- Cơ quan điều tra h.Q/Lưu;
- Cơ quan Thi hành án hình sự h.Q/Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Lưu;
- UBND xã C;
- Lưu HS,VP.